

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 26/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn N Tuy;
2. Ông Đào Xuân Tim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐHPT ngày 12/3/2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn N, sinh năm 1986; nơi sinh, nơi đăng ký HKTT và trú tại: Khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ nhưng đã ly hôn, có 01 con, sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 712/PTHS, ngày 17/5/2004, tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (N phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi); bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ ngày 10/11/2018, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 16/11/2018 đến nay;

2. Đỗ Đức L, sinh năm 1990; nơi sinh, nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá : 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1971; có

vợ nhưng đã ly hôn, có 01 con, sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ ngày 10/11/2018, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 16/11/2018 đến nay.

3. Lê Quang M, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá : 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G, sinh năm 1961 và bà Trần Thị N, sinh năm 1963; có vợ nhưng đã ly hôn, có 02 con, con lớn sinh năm 2010; con nhỏ, sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tặng bằng khen do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khóa đào tạo tại Tiểu đội trưởng bộ binh năm 2006, theo Quyết định số 871/QĐ-SĐ ngày 11/12/2006 của Sư đoàn trưởng, Sư đoàn bộ binh 395; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15, ngày 08/03/2017, Lê Quang M bị Công an huyện Kim Thành phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ ngày 10/11/2018, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 16/11/2018 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà **Nguyễn Thị Mai A**, sinh năm 1967 và ông **Vũ Đình T**, sinh năm 1962

Đều có địa chỉ: Khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (*Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu Tân Phú, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương*).

- Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Những người bị hại vắng mặt có lý do)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **L1ương Văn T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do)

Người làm chứng:

- Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1989

- Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1984

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1985

- Anh **Vũ Văn L**, sinh năm 1961

Đều có địa chỉ: Khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Trương Văn Tường**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Trường L1**, sinh năm 1982

- Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1979

Đều có địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 29/10/2018, Vũ Văn N điều khiển xe mô tô kiểu dáng WAVE, biển số 16K3-1406 (do N mượn trước đó của anh Nguyễn Đức H - sinh năm 1984, trú tại thôn V - xã K - huyện K) chở bạn gái tên L (không rõ địa chỉ cụ thể) đến nhà Lê Quang M (là bạn của N) ở thôn Văn Minh chơi. Đến nơi, chị L vào nhà M, còn N điều khiển xe đi mua thuốc lá. Khi đi qua cổng nhà chị Vũ Thị T - sinh năm 1989 ở thôn V, xã Kim Anh, huyện K, tỉnh Hải Dương N phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, đeo biển số 16M6-2064 của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966, trú tại thôn P, xã K đến nhà chị T chơi, dừng ở ngoài cổng không có người trông giữ, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe, N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền ăn tiêu. N đi xe về nhà M bảo M đi cùng N một lúc. Trên đường đi, N rủ M cùng trộm cắp chiếc xe trên của ông N, M đồng ý. Khi đến cổng nhà chị T nơi chiếc xe ông N đang dựng, N bảo M đi xe về để N trộm cắp chiếc xe mô tô trên, M đồng ý và đi xe mô tô do N mượn của anh H về nhà, còn N đi bộ đến bên chiếc xe của ông N, mở khóa điện và cho xe nổ máy đi về nhà N cất giấu. Khoảng 18 giờ ngày 31/10/2018, N điều khiển chiếc xe trộm cắp được nêu trên đến nhà M và chở M đến gặp anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1992 ở thôn B, xã T, huyện K,

tỉnh Hải Dương. M hỏi vay anh S 1.500.000 đồng và để lại chiếc xe trên làm tin, anh S đồng ý và đưa tiền cho M, số tiền này M và N cùng nhau tiêu xài hết.

Tiếp đến, khoảng 12 giờ ngày 01/11/2018, sau khi chơi điện tử tại quán Internet ở khu Đ, thị trấn P, huyện K, Vũ Văn N bảo Đỗ Đức L chở đến xã N, huyện K. L điều khiển xe mô tô biển số 34P5-6039 (do L mượn của bố đẻ là ông Đỗ Văn T) chở N. Trên đường đi, N rủ L xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền ăn tiêu, L đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số 34B3-577.20 (xe không khóa cổ, không khóa càng) của anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1978, trú tại: thôn Q, xã K, huyện Kim Thành đi đánh cá dưới sông, dừng ở rìa đường thôn T, xã K không có người trông giữ. N chỉ L điều khiển xe qua vị trí anh L1 dựng xe khoảng 03 mét thì dừng lại. N xuống xe đi bộ quay lại dắt chiếc xe của anh L1 và bảo L đẩy xe cùng mình. N và L đẩy xe của anh L1 đi đến khu vực cánh đồng thuộc xã Ngũ Phúc thì dừng lại. Tại đây, N dùng vạm phá khóa đem theo phá ổ khóa điện xe của anh L1, rồi cho xe nổ máy đi đến gửi tại quán trông giữ xe ở khu vực ngã ba thuộc thôn Lai Khê, xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành. L đi xe đến sau chở N về thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành. Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2018, L đi xe mô tô biển số 34P5-6039 chở N đến nơi gửi xe hôm trước rồi cùng L đi vào trong khu công nghiệp L thuộc huyện K, N dùng vạm phá khóa mở cốp xe, thấy bên trong có 01 chiếc ví da đựng giấy đăng ký cùng giấy bảo hiểm của xe biển số 34B3-577.20, 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Văn L1, 03 thẻ ngân hàng Trung Quốc và 01 chứng minh thư Trung Quốc. N giữ lại giấy đăng ký và bảo hiểm của xe mô tô, còn chiếc ví và các giấy tờ khác N vứt đi. Sau đó, N gọi điện thoại cho anh Vũ Văn Q (là người quen của N), sinh năm 1982, trú tại: thôn Phương Khê, xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương rủ anh Q mua xe, anh Q đồng ý. N và L đi đến nhà nghỉ Soái Vân thuộc xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương gặp anh Q đang thuê phòng nghỉ tại đây. Anh Q kiểm tra chiếc xe mô tô biển số 34B3-577.20 cùng giấy tờ xe và đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng. N cầm tiền bán xe cùng L đi về thị trấn Phú Thái rồi chia cho L 1.000.000 đồng, sau đó, N và L đã ăn tiêu hết số tiền trên.

Đến khoảng 01 giờ ngày 07/11/2018, Vũ Văn N đi bộ đến quán Internet ở khu Đ, thị trấn P, huyện K, Hải Dương chơi. Khi đi, N đem theo 01 túi xách bên trong đựng 01 chiếc mỏ lết và 01 kìm điện bằng kim loại. Khi đi qua ngôi nhà mới xây dựng xong của gia đình bà Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1967 ở khu T, thị trấn P (do ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966, trú tại khu T là người được giao trông coi, quản lý) thấy cổng và cửa khóa, không có người ở nên N nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền ăn tiêu. N tiếp tục đi đến quán Internet ở khu Đ, thị trấn P thì gặp Đỗ Đức L đang chơi điện tử ở đó, N nhờ L chở đi để lấy một số dụng cụ cho việc trộm cắp tài sản. L điều khiển xe

mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 34P5-6039 (do L mượn của bố để là ông Đỗ Văn T, sinh năm 1967) chở N đi theo chỉ dẫn của N đến bụi cây ở rìa đường thuộc khu vực nghĩa trang liệt sỹ xã K lấy chiếc kim cộng lực bằng kim loại (do N nhặt được trước đó và giấu ở đây), rồi bảo L chở ra đường bao ở khu T, thị trấn P. L biết việc N chuẩn bị công cụ và bảo mình trở đi để trộm cắp tài sản. Khi đi đến gần ngôi nhà mới xây của gia đình bà Mai A thì N bảo L dừng xe lại. N đi bộ đến cổng ngôi nhà trên và để chiếc kim cộng lực ở đó, rồi N bảo L chở đi đến khu bán tre ở Quốc lộ 5, tại đây, N tìm được 01 chiếc thang bằng tre ở rìa đường cầm lên và bảo L chở quay lại. Khi đến gần ngôi nhà của gia đình bà Mai A, N bảo L dừng xe. N đi bộ đến ngôi nhà trên, bắc thang trèo lên ban công tầng 2, sau đó trèo sang mái nhà của gia đình bên cạnh, rồi trèo lên təc nước, bám vào lan can và trèo vào ban công tầng 3 của nhà bà Mai A, còn L đi về quán Internet để chơi game. N dùng tay đu người lên nắm cửa bằng nhôm kính để mở cửa vào tầng 3 nhưng không được, làm tay nắm cửa bị gãy. N dùng chiếc mỏ lết đem theo đập vỡ ô kính gần vị trí ổ khóa, thò tay vào trong vặn chốt mở cửa và đi vào trong nhà tìm kiếm tài sản. N phát hiện thấy ở gầm cầu thang tầng 1 có 01 chiếc ổ áp nhãn hiệu Ruler, công suất 15KVA-90, kích thước 55x35x50cm, đáy có 4 bánh xe có thể lấy trộm được. N đi lên tầng 3 trèo ra ngoài theo lối đã vào để tìm L nhưng không thấy. N đi bộ ra quán Internet ở khu Đ để tìm L và bảo L chở N ra lấy máy ổ áp, L đồng ý và điều khiển xe mô tô chở N đến ngôi nhà mới xây của gia đình bà Mai A. L đứng ở ngoài, N trèo vào trong nhà theo lối lúc trước, đi xuống mở cửa cuốn tầng 1, rồi ra khu vực cổng lấy chiếc kim cộng lực cắt đứt khóa dây cùng khóa cổng. Lúc này, khoảng 02 giờ cùng ngày, L dắt xe mô tô vào trong sân rồi cùng N đi vào gầm cầu thang tầng 1 đẩy và bê máy ổ áp đặt lên yên xe, L điều khiển xe chở N ngồi sau ôm máy ổ áp về nhà L cất giấu. Sau đó, L chở N quay lại nhà bà Mai A, L đến quán Internet chơi điện tử tiếp, còn N vào trong nhà cầm chiếc vỏ hộp của máy ổ áp cùng với thang tre, kim cộng lực, kim điện, mỏ lết và túi xách đem cất giấu ở khu vực bãi cỏ cách nhà bà Mai A khoảng 40 mét. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi L cùng anh Vũ Văn C (là cháu họ của N), sinh năm 1985, trú tại: khu T, thị trấn P đang chơi điện tử tại quán Internet ở khu Đ thì N đến bảo anh C đem chiếc máy ổ áp đang để ở nhà L đi bán hộ N, N nói với anh C chiếc máy ổ áp trên là của N. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh C và L thuê xe taxi về nhà L, anh C và L cùng bê chiếc máy ổ áp nêu trên để vào cốp xe tắc xi rồi đi sang huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bán cho anh Trần Văn T - sinh năm 1986, trú tại: thôn V, xã T, L gạ bán cho anh T chiếc máy ổ áp với giá 3.500.000 đồng, anh T đồng ý mua và đưa tiền cho L. Sau đó, anh T giao lại chiếc ổ áp này cho anh D (do trước đó anh D nhờ anh T mua hộ ổ áp), anh D trả anh T 3.500.000 đồng. Sau khi bán được ổ áp, anh C và L đi xe taxi về quán Internet ở khu Đ, tại đây L trả tiền taxi hết 350.000 đồng, mua

thẻ game hết 50.000 đồng, N đưa trả anh C 600.000 đồng (là tiền N vay của anh C trước đó), L giữ lại 900.000 đồng và đưa cho N 1.600.000 đồng, số tiền trên L và N đã ăn tiêu hết.

Tiếp đó, vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/11/2018, Vũ Văn N đi bộ đến quán Internet ở khu Đ, thị trấn P, huyện K chơi điện tử thì gặp nhóm bạn gồm các anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979, Nguyễn Trường L, sinh năm 1982 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, đều trú tại thị trấn P đang chơi điện tử ở đó. N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số 34D1-085.52 của anh H đem đi cầm cầm lấy tiền ăn tiêu. N hỏi mượn anh H chiếc xe mô tô trên nói là đi có việc một tý. Anh H tưởng N nói thật nên đã đồng ý cho N mượn xe và bảo N phải trả trước 23 giờ cùng ngày để anh H về nhà. Sau khi mượn được xe, N đi thẳng đến nhà anh Trương Văn T (là người quen của N) - sinh năm 1991 ở khu V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương nhờ anh T tìm chỗ cầm xe. Lúc đó, N mở cốp xe thấy bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34D1-085.52; 01 lọ thuốc ARV; 01 thẻ căn cước công dân, 01 sổ khám bệnh, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM đều mang tên anh H. N cầm giấy đăng ký xe, lọ thuốc và các giấy tờ còn lại N vứt ở khu vực cổng nhà anh T. N nói với anh T là xe của bạn N đồng ý cho N mượn đi cầm đồ lấy tiền. Anh T dẫn N đến hiệu cầm đồ của anh L1ương Văn T - sinh năm 1985 ở thôn Thượng Chiểu, xã Tân Dân, huyện Kinh Môn, N đem cầm chiếc xe trên cùng giấy tờ xe cho anh T được 5.000.000 đồng, N nói với anh T đó là xe của N. Khoảng 23 giờ cùng ngày, không thấy N về trả xe, anh H gọi điện thoại cho N nhiều lần nhưng không liên lạc được với N. Ngày 12/11/2018, anh H đến Công an huyện Kim Thành trình báo sự việc. Kết luận định giá tài sản của từng vụ cụ thể như sau:

Tại kết luận định giá tài sản số 37 ngày 11/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, sơn màu đen, đeo biển kiểm soát 16M6 – 2064 là xe máy N và M đã trộm cắp của anh Nguyễn Văn N trị giá 5.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 38 ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, sơn màu đen, đeo biển kiểm soát 34B3 – 577.20 là xe máy N và L đã trộm cắp của anh Nguyễn Văn L1 trị giá 18.375.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 36 ngày 10/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ruler, màu nâu công suất 15KVA N và L đã trộm cắp của gia đình bà Nguyễn Thị Mai A trị giá 9.975.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 01 ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: 01 ô cửa kính, loại kính 02 lớp màu xanh kích thước 1x0.3m, độ dày khoảng 0,5cm; 01tay nắm cửa bằng kim loại màu trắng, hình chữ L, kích thước 12,5x4cm; 01 khóa dây bằng kim loại màu xám, bọc nhựa màu xanh, kích thước 65x2cm là tài sản bị N phá hoại trong quá trình trộm cắp tài sản tại nhà bà Mai A tổng trị giá 202.400đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 38 ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, sơn màu trắng, đeo biển kiểm soát 34D1 – 085.52 là xe máy N chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H trị giá 3.834.000đồng.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSKT ngày 18/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Văn N về tội “ Trộm cắp tài sản” và tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Đỗ Đức L, Lê Quang M về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không đưa ra đồ vật hay yêu cầu gì, không thắc mắc gì với nội dung cáo trạng xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành truy tố các bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; các bị cáo Đỗ Đức L, Lê Quang M phạm tội Trộm cắp tài sản.

- *Về hình phạt chính:*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn N.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N từ 21 tháng đến 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản; từ 7 tháng đến 10 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt là từ 28 tháng đến 34 tháng, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đỗ Đức L.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức L từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang M.

Xử phạt bị cáo Lê Quang M từ 7 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu, tiêu hủy 01 vạm hình chữ T bằng kim loại; 01 khóa dây bằng kim loại, 01 tay nắm cửa, 01 mảnh kính và 01 biển số 16M6-2064 (*đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận hồi 14 giờ ngày 22/02/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Thành và Chi cục THADS huyện Kim Thành*).

- *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 30 BLTTHS; các Điều 166, 579 BLDS, buộc các bị cáo Vũ Văn N và Đỗ Đức L phải liên đới hoàn trả cho anh Phạm Văn D 2.900.000 đồng, trong đó chia theo tỷ phần bị cáo N tự nhận 1.750.000 đồng, bị cáo L tự nhận 1.150.000 đồng. Trả cho anh D 600.000 đồng (hiện do Chi cục THADS huyện Kim Thành đang quản lý).

Buộc bị cáo Vũ Văn N phải hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 5.000.000 đồng.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc các bị cáo Vũ Văn N, Đỗ Đức L và Lê Quang M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo N và bị cáo L còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/10/2018, tại thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, bị cáo Vũ

Văn N và Lê Quang M có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Văn N, trú tại: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, đeo biển số 16M6-2064 trị giá 5.000.000 đồng. Ngày 01/11/2018, tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn N và Đỗ Đức L trộm cắp của anh Nguyễn Văn L1, trú tại: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số 34B3-577.20 trị giá 18.375.000 đồng. Trên địa bàn khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, ngày 07/11/2018, Vũ Văn N và Đỗ Đức L đã trộm cắp 01 máy ổn áp nhãn hiệu Ruler, công suất 15KVA-90, kích thước 55x35x50cm trị giá 9.975.000 đồng là tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị Mai A do ông Nguyễn Văn V trông coi, quản lý. Trong đó, tổng trị giá tài sản N cùng đồng phạm trộm cắp là **33.350.000 đồng**; tổng trị giá tài sản L cùng đồng phạm trộm cắp là **28.350.000 đồng**; trị giá tài sản M cùng đồng phạm trộm cắp là **5.000.000 đồng**.

Ngày 08/11/2018, tại quán Internet ở khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số 34D1-085.52 trị giá **3.834.000 đồng**.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Vũ Văn N, Lê Quang M và Đỗ Đức L phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Vũ Văn N còn bị truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về các tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, song cần xem xét tính chất hành vi của các bị cáo trong từng vụ án.

Đối với các hành vi trộm cắp tài sản, đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, các bị cáo lén lút thấy sơ hở của chủ tài sản trong việc trông giữ tài sản đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để lấy tiền ăn tiêu. N là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và là người thực hành tích cực nên giữ vai trò chính; hành vi trộm cắp tài sản ngày 01/11/2018 và ngày 07/11/2018, L là đồng phạm, giữ vai trò là người giúp sức tích cực; hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/10/2018, M là đồng phạm, giữ vai trò là người giúp sức tích cực.

Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo N thực hiện độc lập một mình bằng thủ đoạn gian dối bị cáo mượn xe anh H đi cầm lấy tiền tiêu xài nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi riêng biệt của mình.

Khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N thực hiện 03 vụ Trộm cắp tài sản, 01 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo L thực hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản, các lần các bị cáo phạm tội đều cấu thành tội phạm một cách độc lập nên các bị cáo N, L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Bị cáo L đã tự khai báo hành vi phạm tội cùng với N ngày 07/11/2018 khi chưa bị phát hiện; bị cáo N đã tự khai báo các hành vi phạm tội cùng với đồng phạm các ngày 29/10/2018, 01/11/2018 và 08/11/2018 khi chưa bị phát hiện nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo M có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng Bằng khen; bị cáo N có bố để được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe máy N và M trộm cắp của ông N, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu Hiền - sinh năm 1992 ở thôn Dưỡng Thái Trung, xã Phúc Thành, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị trộm cắp trong một vụ án khác, ông Nguyễn Văn N khai mua chiếc xe này của một người không quen biết với giá 1.500.000 đồng, khi mua không biết về nguồn gốc xe, do đó ông N đã tự nguyện trả lại cho chị Hiền chiếc xe theo đúng quy định của pháp luật, ông không yêu cầu các bị cáo N và M phải bồi thường gì trong vụ án này, nên không đặt ra việc giải quyết. Đối với anh Nguyễn Hữu S là người cho M vay số tiền 1.500.000 đồng và giữ lại chiếc xe làm tin, khi cho vay anh S không biết chiếc xe là tài sản do trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý, xét số tiền thiệt hại không lớn nên anh S không yêu

cầu M và N phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã cho vay. Đối với anh Nguyễn Đức H khi cho N mượn xe không biết M và N sử dụng xe đi để trộm cắp tài sản nên Công an huyện Kim Thành đã trả lại xe cho anh H là phù hợp.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành đã trả lại cho ông Nguyễn Văn V (Là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại) chiếc máy ốn áp của gia đình bà Mai A bị trộm cắp, xét thấy không thiệt hại gì nên ông V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Đối với ô cửa kính bị vỡ, tay nắm cửa bị gãy và 01 chiếc khóa dây bị hỏng, tổng trị giá là 202.400 đồng (theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành), ông V không yêu cầu N và L phải bồi thường thiệt hại. Sau khi lấy được chiếc máy ốn áp trên, N đã rủ anh C sang Kinh Môn bán cho anh Thọ được 3.500.000đồng, anh T lại tiếp tục bán cho anh D chiếc ốn áp với cùng giá 3.500.000đồng. Khi nhờ C đi bán máy ốn áp và khi anh T mua máy, anh C và anh T biết nguồn gốc chiếc máy ốn áp trên là do trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý đối với anh C và anh T. Anh D là người mua lại chiếc ốn áp của anh T có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại anh số tiền 3.500.000 đồng trên, xét yêu cầu trên thì thấy mặc dù bị cáo không trực tiếp bán cho anh D nhưng chiếc ốn áp do bị cáo trộm cắp mà có, khi thu hồi quyền lợi của anh D bị xâm phạm nên cần buộc các bị cáo hoàn trả cho anh D số tiền trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe N và L trộm cắp của anh Nguyễn Văn L1 cùng với đó là giấy đăng ký, giấy bảo hiểm của chiếc xe trên, quá trình điều tra Công an huyện Kim Thành đã trả lại cho anh L1, xét thấy chiếc xe không bị hư hại gì, đối với chiếc ví da và 01 thẻ căn cước, 03 thẻ ngân hàng Trung Quốc và 01 chứng minh thư Trung Quốc của anh L1, N đã vớt đi đến nay không thu hồi được, anh L1 không yêu cầu N, L phải bồi thường gì nên không phải giải quyết. Anh Vũ Văn Q là người mua xe của N và L trộm cắp, anh Q không yêu cầu N và L phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng đã đưa khi mua xe.

Anh H bị N lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy YAMAHA loại Sirius bên trong cóp xe có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34D1-085.52; 01 lọ thuốc ARV; 01 thẻ căn cước công dân, 01 sổ khám bệnh, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM đều mang tên anh H. Quá trình điều tra thu hồi lại được chiếc xe và giấy đăng ký xe trên nên Công an huyện Kim Thành đã trả lại cho anh H, một số vật dụng còn lại N đã vớt đi nên không tìm được. Sau khi nhận lại tài sản anh H xét thấy thiệt hại không lớn nên không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường gì.

Anh T đề nghị Tòa án buộc bị cáo N phải trả lại cho anh số tiền 5.000.000đồng anh đã trả khi nhận cầm cố chiếc xe trên, anh Q không biết bị cáo trộm cắp xe đem cầm cố nên yêu cầu của anh L1 là phù hợp cần chấp nhận

[6] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quản lý 01 khóa dây bằng kim loại, bọc nhựa màu xanh, kích thước 65x2cm; 01 tay nắm

cửa hình chữ L, kích thước 12,5x4cm; 01 mảnh kính màu xanh đường kính 10cm là số đồ vật trong quá trình trộm cắp tài sản nhà bà Mai A, N đã phá hoại, nay xét thấy số đồ vật trên không còn giá trị sử dụng nên ông V không nhận lại và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn quản lý 01 vạm chữ T bằng kim loại màu xám được quấn băng dính màu đen, phần thanh ngang chữ T dài 10cm, đường kính 1,5cm, phần thanh dài chữ T dài 12,5cm, một đầu nét nhọn bản rộng 1cm là công cụ N Dùng để mở khóa và trộm cắp xe máy, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 biển số 16M6-2064 là biển số xe của ông N bị N chiếm đoạt, quá trình giám định cơ quan chuyên môn xác định đây là biển số giả nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định. Số tiền tang vật 600.000đồng gồm 03 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đồng là tiền N trả nợ cho anh C khi bán được chiếc ỏn ỏp, quá trình điều tra anh C đã tự nguyện giao nộp số tiền trên, đây là số tiền do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có, người có quyền lợi liên quan anh D yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua ỏn ỏp, do đó cần trả lại anh D số tiền 600.000đ đã thu giữ.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vũ Văn N và Đỗ Đức L phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị các bị cáo Vũ Văn N, Đỗ Đức L và Lê Quang M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Vũ Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Đức L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58. Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quang M.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 127, khoản 2 Điều 131, Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản 07 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức L 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Quang M 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/11/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Văn N và Đỗ Đức L phải có nghĩa vụ hoàn trả trả lại số tiền 2.900.000đồng cho anh Phạm Văn D, chia kỷ phần các bị cáo tự nguyện nhận: N 1.750.000đ, L 1.150.000đ. Buộc bị cáo N phải có nghĩa vụ trả lại 5.000.000đồng cho anh L1ương Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên còn phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

4. Về các biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 khóa dây bằng kim loại, bọc nhựa màu xanh, kích thước 65x2cm; 01 tay nắm cửa hình chữ L, kích thước 12,5x4cm; 01 mảnh kính màu xanh đường kính 10cm; 01 vạm chữ T bằng kim loại màu xám được quần bằng dích màu đen, phần thanh ngang chữ T dài 10cm, đường kính 1,5cm, phần thanh dài chữ T dài 12,5cm, một đầu nét nhọn bản rộng 1cm; 01 biển số 16M6-2064.

Trả cho anh Phạm Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Quảng Trí, xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương số tiền:600.000đồng.

(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 22/02/2019 giữa Công an huyện Kim Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn N, Đỗ Đức L và Lê Quang M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo Vũ Văn N phải chịu 337.500 đồng và Đỗ Đức L 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

Vũ Minh Hải